

CỤC HẬU CÁN QUẢN KHU 3 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BỆNH VIỆN QUẢN Y 7
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 17 tháng 10 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Quản y 7 - Cục Hậu cần Quân khu 3 có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu **mua sắm vật tư y tế dùng chung năm 2023-2024** thuộc dự toán mua sắm vật tư y tế phục vụ công tác chuyên môn năm 2023-2024 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Quản y 7 - Cục Hậu cần Quân khu 3.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: DS. Nguyễn Phương Đông, Thư ký Công tác dược - Hội đồng mua sắm thuốc, hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế, trang thiết bị y tế Bệnh viện, số điện thoại: 0986 027 119, email: hoi dongmuasambvqy7@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Bệnh viện Quản y 7 - Cục Hậu cần Quân khu 3 tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược - Bệnh viện Quản y 7, số 12 đường Tuệ Tĩnh, phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Nhận qua email: hoi dongmuasambvqy7@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ **08h00 ngày 17 tháng 10 năm 2023** đến trước **17h00 ngày 27 tháng 10 năm 2023**.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ **ngày 27 tháng 10 năm 2023**.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế/linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị):

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
	Bông			
1	Bông (gòn) hút	100% bông tự nhiên dùng trong y tế; bông dạng dải được xếp thành dạng cuộn không có độc tố, không gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch cơ thể Độ acid: Trung tính Độ ẩm không quá 8%, tốc độ hút nước không quá 5s. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485	1.500	Kg
2	Bông lót (10cm x 350cm)	Thành phần: Sợi bông dùng trong y tế, không gây kích ứng khi sử dụng. Kết cấu thành miếng, kích thước 10cm x 350cm. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485	5.000	Cuộn
3	Bông lót (15cm x 350cm)	Thành phần: Sợi bông dùng trong y tế, không gây kích ứng khi sử dụng. Kết cấu thành miếng, kích thước 15cm x 350cm. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485	5.000	Cuộn
4	Bông không thấm nước	Thành phần: 100% bông tự nhiên, màu trắng ngà, dùng trong y tế Đã qua quá trình sơ chế, loại bỏ tạp cơ học, làm duỗi và sắp xếp tạo thành tấm bông xốp, mềm, mịn Bông dạng dải được cuộn thành khối hình trụ. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485	10	Kg

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
	Dung dịch sát khuẩn			
5	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm	Thành phần hoạt chất: Chlorhexidine Gluconate 2% kl/tt. Quy cách: Can 5 lít. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485	350	lít
6	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm	Thành phần hoạt chất: Chlorhexidine Gluconate 2% kl/tt. Quy cách: Can 5 lít. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485, CE	350	lít
7	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm	Thành phần hoạt chất: Chlorhexidine Gluconate 4% kl/tt. Quy cách: Can 5 lít. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485	350	lít
8	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm	Thành phần hoạt chất: 75%tt/tt Ethanol 8%tt/tt Isopropyl Alcohol 0.5%tt/tt Chlorhexidine Digluconate Quy cách: Chai 500ml. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485	250.000	ml
9	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm	Thành phần hoạt chất: 75%tt/tt Ethanol 8%tt/tt Isopropyl Alcohol 0.5%tt/tt Chlorhexidine Digluconate Quy cách: Can 5 lít. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485	450	lít
10	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ	Thành phần hoạt chất: Glutaraldehyde 2% Quy cách: Can 5 lít. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485	300	lít
11	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ	Thành phần hoạt chất: Ortho - Phth aldehyde 0,55% Quy cách: Can 5 lít. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485	190	lít

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
12	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng trong phòng xét nghiệm, buồng mổ, buồng bệnh	Thành phần hoạt chất: 0,05% diethylthyl ammonium chloride 0,06% polyhexamethylene biguanide chlorhydrate Quy cách: Can 5 lit. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485	50	lit
13	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ	Thành phần hoạt chất: Enzyme Protease + chất tẩy rửa Quy cách: Chai 1000ml. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485	24.000	ml
14	Băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương			
14	Bột bó (10cm x 460cm)	Thành phần: Thạch cao và gạc. Bột liên gạc, vô chống ẩm, thạch cao $\geq 97\%$, gạc 100% cotton, thời gian đông kết từ 2-4 phút Kích thước 10cm x 460cm. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485	5.000	Cuộn
15	Bột bó (15cm x 460cm)	Thành phần: Thạch cao và gạc Bột liên gạc, vô chống ẩm, thạch cao $\geq 97\%$, gạc 100% cotton, thời gian đông kết từ 2-4 phút Kích thước 15cm x 460cm. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485	5.000	Cuộn
16	Băng chun (thun) 3 móc	Thành phần: sợi cotton se tròn, kết hợp với sợi cao su thiên nhiên, trạng thái mềm mịn và có độ đàn hồi cao Kết hợp sợi poly, sợi cao su lưu hóa, và sợi cotton theo tỉ lệ 2:1:4 Kích thước rộng 10,2 cm, kéo dãn tối đa 540cm-550cm. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485	1.000	Cuộn

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
17	Băng cuộn (7cm x 5m)	<p>Kích thước: 7cm x 5m. Dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao, không có độc tố. Hai đầu cuộn băng bằng, không lệch, không xơ. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. Dùng để băng ép cầm máu và cố định trong chấn thương cơ, xương, khớp. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	25.000	Cuộn
18	Băng dính (1,25cm x 5m)	<p>Kích thước 1,25cm x 5m Băng keo lụa nền Taffeta trắng, 100 % sợi cellulose acetate. Bờ răng cưa hai bên giúp xé dễ dàng, không cần dùng kéo. Lõi nhựa liền cánh bảo vệ. Lớp keo Oxyde kẽm không dùng dung môi. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	35.000	Cuộn
19	Gạc cotton	<p>Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao. Trọng lượng ≤ 23-29 g/m, tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố. Khô 80cm. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước Tốc độ hút nước ≤ 10 giây. Độ ngậm nước ≥ 5g nước/1g gạc. Chất tan trong nước ≤ 0,5%. Độ pH: trung tính. Độ trắng: 80% +/- 10%. Dùng trong y tế (vệ sinh, băng vết thương, thấm hút dịch...). Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	60.000	Mét
20	Miếng cầm máu mũi	<p>Vật liệu: Polyvinyl. Kích thước: 8.0x2x1.5cm/8x 1.5 x 2cm Có dây. Có khả năng cầm máu mũi nhanh. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	500	Miếng

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
	Bơm tiêm			
21	Bơm cho ăn sử dụng một lần 50 ml	<p>Bơm tiêm nhựa dung tích 50ml, Đốc bơm lắp vừa dây cho ăn và các dụng cụ y tế chuyên dụng. Có nắp đậy. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Không chứa độc tố DEHP, Tiệt trùng. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	2.200	Cái
22	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần 10ml	<p>Bơm tiêm nhựa liền kim 10 ml, Vỏ trong suốt, làm từ chất liệu nhựa nguyên sinh dùng trong y tế. Cỡ kim 23G, 25G, kim sáng bóng, sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ, có nắp đậy để bảo vệ kim. Pít tông trơn, không rít, có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Không chứa độc tố DEHP. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	50.000	Cái
23	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần 10ml	<p>Bơm tiêm nhựa liền kim 10 ml, Vỏ trong suốt, làm từ chất liệu nhựa nguyên sinh dùng trong y tế. Cỡ kim 23G, 25G, kim sáng bóng, sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ, có nắp đậy để bảo vệ kim. Pít tông trơn, không rít, có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Không chứa độc tố DEHP. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485, CE</p>	200.000	Cái
24	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần 1ml	<p>Bơm tiêm nhựa liền kim dung tích 1ml, Vỏ trong suốt, làm từ chất liệu nhựa nguyên sinh dùng trong y tế. Kim tiêm: Làm bằng thép không gỉ, đủ độ cứng cơ khí, không bị oxy hóa. Pít tông trơn, không rít Cỡ kim 25G-26Gx1/2" Không chứa độc tố DEHP. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	100.000	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
25	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần 1ml	<p>Bơm tiêm nhựa liền kim dung tích 1ml, Vỏ trong suốt, làm từ chất liệu nhựa nguyên sinh dùng trong y tế.</p> <p>Kim tiêm: Làm bằng thép không gỉ, đủ độ cứng cơ khí, không bị oxy hóa.</p> <p>Pít tông trơn, không rít</p> <p>Cỡ kim 25G-26Gx1/2"</p> <p>Không chứa độc tố DEHP.</p> <p>Tiệt trùng. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485, CE</p>	200.000	Cái
26	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần 20ml	<p>Bơm tiêm nhựa liền kim dung tích 20ml, vỏ trong suốt, làm từ chất liệu nhựa nguyên sinh dùng trong y tế</p> <p>Cỡ kim 23G; 25G, kim sáng bóng, sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ, có nắp đậy để bảo vệ kim.</p> <p>Pít tông trơn, không rít, có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng.</p> <p>Không chứa độc tố DEHP.</p> <p>Tiệt trùng. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	20.000	Cái
27	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần 20ml	<p>Bơm tiêm nhựa liền kim dung tích 20ml, vỏ trong suốt, làm từ chất liệu nhựa nguyên sinh dùng trong y tế</p> <p>Cỡ kim 23G; 25G, kim sáng bóng, sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ, có nắp đậy để bảo vệ kim.</p> <p>Pít tông trơn, không rít, có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng.</p> <p>Không chứa độc tố DEHP.</p> <p>Tiệt trùng. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485, CE</p>	30.000	Cái
28	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần 3ml	<p>Bơm tiêm nhựa liền kim dung tích 3ml, vỏ trong suốt, làm từ chất liệu nhựa nguyên sinh dùng trong y tế</p> <p>Cỡ kim 23G, 25G, kim sáng bóng, sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ, có nắp đậy để bảo vệ kim.</p> <p>Pít tông trơn, không rít, có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng.</p> <p>Không chứa độc tố DEHP.</p> <p>Tiệt trùng. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	30.000	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
29	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần 3ml	<p>Bơm tiêm nhựa liền kim dung tích 3ml, vỏ trong suốt, làm từ chất liệu nhựa nguyên sinh dùng trong y tế</p> <p>Cỡ kim 23G, 25G, kim sáng bóng, sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ, có nắp đậy để bảo vệ kim.</p> <p>Pít tông trơn, không rít, có khóa bé gãy để hủy sau khi sử dụng.</p> <p>Không chứa độc tố DEHP.</p> <p>Tiết trùng. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485, CE</p>	40.000	Cái
30	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần 50ml	<p>Bơm tiêm nhựa dùng một lần dung tích 50ml, vỏ trong suốt, làm từ chất liệu nhựa nguyên sinh dùng trong y tế, độc xi lanh nhỏ lắp vừa kim tiêm các số.</p> <p>Pít tông trơn, không rít, có khóa bé gãy để hủy sau khi sử dụng.</p> <p>Không chứa độc tố DEHP.</p> <p>Tiết trùng. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	6.000	Cái
31	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần 5ml	<p>Bơm tiêm nhựa liền kim dung tích 5ml, vỏ trong suốt, làm từ chất liệu nhựa nguyên sinh dùng trong y tế.</p> <p>Cỡ kim 23G, 25G, kim sáng bóng, sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ, đủ độ cứng vật lý, có nắp đậy để bảo vệ kim.</p> <p>Pít tông trơn, không rít, có khóa bé gãy để hủy sau khi sử dụng.</p> <p>Không chứa độc tố DEHP.</p> <p>Tiết trùng. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	100.000	Cái
32	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần 5ml	<p>Bơm tiêm nhựa liền kim dung tích 5ml, vỏ trong suốt, làm từ chất liệu nhựa nguyên sinh dùng trong y tế.</p> <p>Cỡ kim 23G, 25G, kim sáng bóng, sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ, đủ độ cứng vật lý, có nắp đậy để bảo vệ kim.</p> <p>Pít tông trơn, không rít, có khóa bé gãy để hủy sau khi sử dụng.</p> <p>Không chứa độc tố DEHP.</p> <p>Tiết trùng. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485, CE</p>	320.000	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
33	Bơm tiêm insulin 1ml	Cờ kim 30Gx1/2", Đầu kim vát 3 cạnh sắc, vỏ trong suốt được làm bằng nhựa nguyên sinh dùng trong y tế. Không chứa DEHP. Tiệt trùng. Sử dụng 1 lần. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485	40.000	Cái
34	Bơm tiêm insulin 1ml	Cờ kim 30Gx1/2", Đầu kim vát 3 cạnh sắc, vỏ trong suốt được làm bằng nhựa nguyên sinh dùng trong y tế. Không chứa DEHP. Tiệt trùng. Sử dụng 1 lần. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485, CE	200.000	Cái
	Kim tiêm			
35	Kim lấy máu, lấy thuốc	Sử dụng để lấy máu, lấy thuốc Tiệt trùng. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485	200.000	Cái
36	Kim luồn tĩnh mạch ngoại vi	Được làm bằng chất liệu ETFE (Ethylene Tetra Flour Ethylene), có đường cán quang ngám. Kim bằng thép không gỉ phủ silicon, vát đa diện. Có cánh, công tiêm thuốc có van silicon chống trào ngược. Khóa luer ở đuôi ống catheter kết nối với mọi loại khóa 3 chạc, dây nối, dây truyền dịch. Số 18G - 22G Thời gian lưu ≥72h. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 Có nhiều cỡ/size	28.000	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
37	Kim luồn tĩnh mạch ngoại vi	<p>Được làm bằng chất liệu ETFE (Ethylene Tetra Flour Ethylene), có đường cán quang ngấm.</p> <p>Đầu kim 3 mặt vật phủ silicon, sắc bén, dễ xuyên qua da và thành mạch.</p> <p>Thời gian lưu kim ≥ 72h.</p> <p>Tiết trùng. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p> <p>Có nhiều cỡ/size</p>	4.000	Cái
38	Kim tiêm sử dụng một lần	<p>Kim làm bằng thép không gỉ, mạ Crom hoặc Niken, bề mặt kim tiêm nhẵn, bóng, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh không có gờ, có nắp chụp bảo vệ.</p> <p>Tiết trùng. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p> <p>Có nhiều cỡ/size</p>	150.000	Cái
39	Kim tiêm nha khoa dùng một lần	<p>Vật liệu chế tạo: Thép không gỉ</p> <p>Kim có nhiều cỡ/size, kim sắc nhọn</p> <p>Gập 90 độ vẫn tiêm được thuốc. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	5.000	Chiếc
	Kim chọc dò, sinh thiết và các loại kim khác			
40	Kim chọc dò, gây tê tùy sống	<p>Mũi kim được cắt vát hình dạng kim cương cho phép thâm nhập dễ dàng.</p> <p>Độc kim trong suốt có phản quang, dễ dàng quan sát thấy dịch chảy ra, có đánh dấu mặt vát hướng lên hướng xuống.</p> <p>Có khoang trống giữa que thông nòng và thành kim</p> <p>Cỡ kim: 18-27G</p> <p>Tiết trùng. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p> <p>Có nhiều cỡ/size</p>	1.500	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
41	Kim chọc dò, gây tê tùy sống	<p>Đầu kim Quincke 3 mặt vát, sắc. Có khoang trống giữa que thông nòng và thành kim giúp phát hiện nhanh dịch chảy ra. Cỡ kim: 18-27G Tiết trùng. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 Có nhiều cỡ/size</p>	1.000	Cái
42	Dây truyền, dây dẫn Bộ dây truyền dịch kèm kim 2 cánh bướm	<p>Dây dẫn: Dài \geq 1500mm, được làm từ nhựa nguyên sinh tráng silicon có độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng. Bộ phận điều chỉnh dòng chảy: Nhựa nguyên sinh, gồm màng có thiết kế thêm kẹp khe giữ dây và con lăn di chuyển dễ dàng. Bộ phận đầu nối: làm từ nhựa nguyên sinh, mềm. Có vị trí tiếp thuốc (tiêm thuốc) nhiều lần. Đầu nối kim: Làm từ nhựa nguyên sinh, có thiết kế khóa vạt để khóa chặt kim (Luer lock). Kim xuyên nút chai: làm từ nhựa nguyên sinh, sắc, nhọn. Van thoát khí (van lọc khí): làm từ nhựa nguyên sinh, có thiết kế màng lọc khuẩn 0,2μm, vô khuẩn. Bầu đếm giọt có thành dày đều. Có màng lọc dịch. Kim 2 cánh bướm. Tiết trùng Sử dụng 01 lần. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 Có nhiều cỡ/size</p>	100.000	Bộ

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
43	Dây truyền dịch kèm kim 2 cánh	<p>Dây dẫn dài ≥ 1500mm cấu tạo từ nhựa nguyên sinh tiêu chuẩn y tế, dẫn dịch tốt, độ đàn hồi cao không gây gấp khi sử dụng và bảo quản.</p> <p>Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn;</p> <p>Bầu đếm giọt thiết kế màng lọc,</p> <p>Có van khoá điều chỉnh được tốc độ truyền.</p> <p>Có vị trí tiếp thuốc (tiêm thuốc) nhiều lần.</p> <p>Kim 2 cánh, đầu kim sắc nhọn.</p> <p>Tiết trùng, không buốt, không độc, không gây sốt. Không chứa Latex, DEHP.</p> <p>Sử dụng 01 lần. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485, CE</p> <p>Có nhiều cỡ/size</p>	150.000	Bộ
44	Dây truyền dịch kèm kim 1 cánh	<p>Dây dẫn dài ≥ 1500mm cấu tạo từ nhựa nguyên sinh tiêu chuẩn y tế, dẫn dịch tốt, độ đàn hồi cao không gây gấp khi sử dụng và bảo quản.</p> <p>Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn;</p> <p>Bầu đếm giọt thiết kế màng lọc,</p> <p>Có van khoá điều chỉnh được tốc độ truyền.</p> <p>Có vị trí tiếp thuốc (tiêm thuốc) nhiều lần.</p> <p>Kim 1 cánh, đầu kim sắc nhọn.</p> <p>Tiết trùng, không buốt, không độc, không gây sốt. Không chứa Latex, DEHP.</p> <p>Sử dụng 01 lần. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485, CE</p> <p>Có nhiều cỡ/size</p>	100.000	Bộ
45	Bộ dây truyền máu, truyền chế phẩm máu	<p>Dây truyền máu dài ≥ 150cm.</p> <p>Có bầu đếm giọt.</p> <p>Có lưới lọc truyền máu (kích thước lỗ $200\mu\text{m}$).</p> <p>Có bộ lọc không khí gắn liền</p> <p>Có công tiêm bằng nhựa y tế</p> <p>Không chứa Latex, DEHP.</p> <p>Tiết trùng. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p> <p>Có nhiều cỡ/size</p>	1.100	Bộ

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
46	<p>Găng tay</p> <p>Găng tay khám bệnh</p>	<p>Được sản xuất từ cao su thiên nhiên, đàn hồi tốt. Sử dụng trong y tế, thăm khám. Cỡ (Size) XS, S, M, L, XL. Sử dụng 1 lần. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	300.000	Đôi
47	<p>Găng tay vô trùng dùng trong thăm dò chức năng, xét nghiệm</p>	<p>Phù hợp sử dụng trong thực hiện các kỹ thuật sinh học phân tử. Không bột. Vô trùng, sử dụng 01 lần Cỡ (Size) XS, S, M, L, XL. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	300	Đôi
48	<p>Găng tay vô trùng dùng trong thủ thuật, phẫu thuật</p>	<p>Được sản xuất từ cao su thiên nhiên, bề mặt nhẵn mịn, có độ cong phù hợp, đàn hồi tốt, bền, tạo cảm giác thật tay khi sử dụng, có phủ chống dính. Sử dụng trong phẫu thuật, thủ thuật. Tiệt trùng, sử dụng 1 lần. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 Có nhiều cỡ/size</p>	70.000	Đôi
49	<p>Túi, lọ và vật tư bao gói khác sử dụng trong chăm sóc người bệnh</p> <p>Ống, dây cho ăn</p>	<p>Được sản xuất từ chất liệu nhựa y tế, dây mềm, có chiều dài ≥ 1.250 mm, trên thân dây có ≥ 04 vạch đánh dấu, thuận lợi cho việc xác định vị trí đầu ống dây. Một đầu ống dây có nắp đậy, một đầu được bo tròn không gây tổn thương cho bệnh nhân. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 Có nhiều cỡ/size</p>	3.000	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
50	Túi đựng nước tiểu	<p>Thể tích túi ≥ 2000 ml.</p> <p>Có tính năng chống trào ngược</p> <p>Dây dẫn, van và nút nhựa làm bằng chất liệu nhựa y tế.</p> <p>Không độc hại, không kích ứng</p> <p>Tiết trùng. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p> <p>Có nhiều cỡ/size</p>	4.000	Cái
	Ống thông			
51	Ống thông đường thở các số (canuyn mayo)	<p>Sản xuất từ nhựa PVC y tế hoặc tương đương, không độc hại.</p> <p>Cong 90 độ, đầu nối tiêu chuẩn 15mm, có đường cán quang xuyên suốt chiều dài ống.</p> <p>Tiết trùng. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	500	Cái
52	Ống ca-nuyn (cannula) mở khí quản	<p>Sử dụng trong khai mở khí quản</p> <p>Chất liệu nhựa y tế mềm không gây kích ứng</p> <p>Thiết kế có bóng trong, có thể tháo rời để làm sạch, tránh nghẹt tắc đờm. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	100	Cái
53	Ống nội khí quản sử dụng một lần có bóng	<p>Sản xuất từ PVC hoặc tương đương, không độc hại, trong suốt mềm và mịn.</p> <p>Có bóng</p> <p>Có đường cán quang chạy dọc theo thân ống.</p> <p>Tiết trùng. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p> <p>Có nhiều cỡ/size</p>	2.000	Bộ

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
54	Ống nội khí quản sử dụng một lần không bóng	Sản xuất từ PVC hoặc tương đương, không độc hại, trong suốt mềm và mịn. Không bóng, Có đường cán quang chạy dọc theo thân ống. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 Có nhiều cỡ/size	2.000	Bộ
55	Thông tiểu 2 nhánh (sonde foley)	Thông 2 nhánh, gồm: 1 ống nhỏ để bơm bóng, 1 lòng ống lớn để dẫn lưu nước tiểu. Vật liệu chế tạo: Cao su tự nhiên, tráng silicon, không chứa DEHP, có van tích hợp sẵn. Bóng chèn căng, tròn, đều, đồng tâm, đối xứng. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 Có nhiều cỡ/size	2.000	Cái
56	Thông tiểu 3 nhánh (sonde foley)	Thông 3 nhánh, gồm: 1 ống nhỏ để bơm bóng, 1 lòng ống lớn để dẫn lưu nước tiểu, 1 lòng ống để bơm rửa. Vật liệu chế tạo: Cao su tự nhiên, tráng silicon, không chứa DEHP, có van tích hợp sẵn. Bóng chèn căng, tròn, đều, đồng tâm, đối xứng. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 Có nhiều cỡ/size	1.000	Cái
57	Thông tiểu 01 nhánh (sonde nelaton)	Vật liệu chế tạo: Cao su tự nhiên. Không độc hại, không gây kích ứng Tiệt trùng. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 Có nhiều cỡ/size	1.000	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
58	Thông (sonde) JJ	<p>Cấu hình thông JJ sử dụng trong kỹ thuật đặt ống thông niệu quản gồm: -01 ống thông, hai đầu cuộn tròn hình chữ J. Đầu ống có sợi chỉ/dây để kéo. Trên ống có chia vạch. Chiều dài trong khoảng từ 16cm đến 30 cm. Đường kính trong khoảng từ 4Fr đến 8Fr. Chất liệu Polyurethane hoặc nhựa nguyên sinh y tế khác. -01 que đẩy, chiều dài que đẩy dài hơn hoặc bằng ống thông. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO 13485, CE. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	100	Cái
59	Thông (sonde) JJ đặt 12 tháng	<p>Chất liệu nhựa silicone hoặc nhựa y tế khác, dài ≥ 24cm, 2 đầu mở hình chữ J, cỡ từ số 5 đến số 8 Có khả năng lưu trong cơ thể 12 tháng. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	5	Cái
	Ống dẫn lưu, ống hút			
60	Ống/dây dẫn lưu silicon vô trùng	<p>Vật liệu chế tạo: Silicon, trắng trong, mềm mại, có lỗ. Dùng để thái dịch, không gây đọng dịch trong đáy. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 Có nhiều cỡ/size, số</p>	500	Cái
61	Ống dẫn lưu (drain)	<p>Chất liệu nhựa PVC, cao su hoặc nhựa y tế tương đương, màu trắng trong, mềm dẻo Tiệt trùng. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 Có nhiều cỡ/size</p>	500	Cái
62	Ống dẫn lưu Kehr	<p>Vật liệu chế tạo: Được làm từ cao su tự nhiên hoặc nhựa y tế khác, mềm, trắng silicon Hình chữ T Tiệt trùng. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	100	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
63	Dây hút nhớt	<p>Vật liệu chế tạo: Nhựa PVC nguyên sinh hoặc nhựa y tế khác tương đương, trong suốt, không độc hại, không gây kích ứng.</p> <p>Đài ≥50cm, chiều dài bộ phận kết nối từ 3-5cm; không có nắp</p> <p>Đầu dưới có 2 lỗ thoát dịch đối xứng.</p> <p>Tiết trùng. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p> <p>Có nhiều cỡ/size, số</p>	6.000	Cái
	Ống nối, dây nối, chạc nối			
64	Dây nối bơm tiêm điện	<p>Chất liệu PVC hoặc nhựa nguyên sinh y tế khác (không có chứa DEHP)</p> <p>Đầu khóa vận xoắn cho phép kết nối với tất cả các loại máy bơm tiêm. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	150	Cái
	Catheter			
65	Catheter Chạy thận nhân tạo 2 nòng	<p>Vật liệu chế tạo: Polyurethan hoặc nhựa nguyên sinh y tế khác</p> <p>Bộ bao gồm: 1 catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng có chặn bức xạ, dây dẫn đường, nong, nút chặn, kim luồn, dao, bơm tiêm, có dây điện cực để đo ECG. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	50	Cái
66	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	<p>Catheter dùng đặt tĩnh mạch trung tâm hai nòng, dài 20cm, đầu thẳng.</p> <p>Bộ gồm: 01 Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường, 01 Dây dẫn đường guidewire một đầu chữ J một đầu thẳng, 01 kim nong, 01 kim chọc dò, 01 Bơm tiêm 5cc, 02 nút chặn, một lưới dao đầu nhọn. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	50	Cái
67	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	<p>Catheter dùng đặt tĩnh mạch trung tâm ba nòng, dài 20cm, đầu thẳng.</p> <p>Bộ gồm: 01 Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường, 01 Dây dẫn đường guidewire một đầu chữ J một đầu thẳng, 01 kim nong, 01 kim chọc dò, 01 Bơm tiêm, 01 lưới dao đầu nhọn, kim nong.</p> <p>Đầu nối catheter có valve 2 chiều, tránh nhiễm khuẩn (3 nút chặn),</p> <p>Kim dẫn đường chữ V sắc bén, có valve ngăn chặn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí</p>	100	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
		Có dây điện cực để đo ECG, xác định vị trí đặt catheter. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485		
	Kim khâu, dao phẫu thuật			
68	Kim khâu phẫu thuật	Sử dụng trong khâu phẫu thuật khâu da, cơ... Có nhiều cỡ, số. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485	500	Cái
69	Kim khâu phẫu thuật tròn	Sử dụng trong khâu phẫu thuật khâu ruột... Kim tròn, cỡ nhỏ. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 Có nhiều cỡ/size	300	Cái
70	Lưỡi dao mổ	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu chế tạo: Dao được chế tạo bằng thép không gỉ có khả năng chống ăn mòn, gỉ sét. - Bề mặt lưỡi dao sáng bóng, bề mặt dao không được có vết lõm, vết nứt, vết xước, bề mặt nhám. - Lưỡi cắt của dao và phần mũi nhọn sắc, không có vết nứt, vết răng cưa và rỉ sét. - Từng lưỡi được tiết trùng đóng gói riêng. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 Có nhiều cỡ/size, số	5.000	Cái
	Chi khâu không tiêu			
71	Chi siêu bền	Tính năng: Chi không tiêu siêu bền, dùng trong mổ nội soi khớp hoặc các phẫu thuật khác Chất liệu Polyethylene cao phân tử hoặc tương đương. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485	20	Sợi

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
72	Chỉ thép	<p>Tính năng: Chỉ thép sử dụng trong phẫu thuật. Chất liệu thép không gỉ. Có nhiều cỡ. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	200	Cuộn
73	Chỉ khâu nhãn khoa không tiêu liền kim cỡ số 9/0 (USP) Polyamide	<p>Cấu trúc: Chỉ phẫu thuật không tiêu đơn sợi; Thành phần chất liệu chỉ: Nylon/Polyamid; Cỡ chỉ: Số 9/0 (theo USP), 0.3 (theo EP); Chiều dài chỉ: ≥ 30cm Thông số kim: Kim hình thang (Side cutting spatula double armed) x2 (2 đầu kim), vòng kim: 3/8c, chiều dài kim: 6mm-6,2mm, phủ silicon; Đặc tính: Sợi chỉ có cấu trúc vững chắc, sợi tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt; Tiệt trùng; Phù hợp chỉ định: Phẫu thuật nhãn khoa... Tuổi thọ: Tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	420	Sợi
74	Chỉ khâu nhãn khoa không tiêu liền kim cỡ số 10/0 (USP) Polyamide	<p>Cấu trúc: Chỉ phẫu thuật không tiêu đơn sợi; Thành phần chất liệu chỉ: Nylon/Polyamid; Cỡ chỉ: Số 10/0 (theo USP), 0.2 (theo EP); Chiều dài chỉ: ≥ 30cm Thông số kim: Kim hình thang (Side cutting spatula double armed) x2 (2 đầu kim), vòng kim: 3/8c hoặc 1/2c, chiều dài kim: 6mm- 6,2mm, phủ silicon; Đặc tính: Sợi chỉ có cấu trúc vững chắc, sợi tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt; Tiệt trùng; Phù hợp chỉ định: Phẫu thuật nhãn khoa... Tuổi thọ: Tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	300	Sợi

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
75	Chi khâu không tiêu liên kim cỡ số 1 (USP) Polyamide	<p>Cấu trúc: Chi không tiêu tổng hợp đơn sợi. Thành phần chất liệu chi: Polyamide Cỡ chi: 1 (theo USP), 4 (theo EP) Chiều dài chi: ≥ 75cm. Thông số kim: Kim tam giác ngược (Reverse Cutting), vòng kim 3/8c, dài 24mm, phủ silicone; Đặc tính: Sợi chi có cấu trúc vững chắc, sợi tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt; Tiết trùng; Phù hợp chỉ định: Phẫu thuật tổng quát, khâu da, chỉnh hình, sản phụ khoa... Tuổi thọ: Tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	1.000	Sợi
76	Chi khâu không tiêu liên kim cỡ số 2/0 (USP) Polyamide	<p>Cấu trúc: Chi không tiêu tổng hợp đơn sợi. Thành phần chất liệu chi: Polyamide Cỡ chi: 2/0 (theo USP), 3 (theo EP) Chiều dài chi: ≥ 75cm. Thông số kim: Kim tròn, đầu côn (Round bodied taper point), vòng kim: 1/2c, chiều dài kim: 26mm, phủ silicone Đặc tính: Sợi chi có cấu trúc vững chắc, sợi tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt; Tiết trùng; Phù hợp chỉ định: Phẫu thuật tổng quát, khâu da, chỉnh hình, sản phụ khoa... Tuổi thọ: Tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	1.500	Sợi

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
77	Chỉ khâu không tiêu liên kim cỡ số 2/0 (USP) Polypropylene	<p>Cấu trúc: Chỉ phẫu thuật không tiêu đơn sợi; Thành phần chất liệu chỉ: Polypropylene; Cỡ chỉ: Số 2/0 (theo USP), 3 (theo EP); Chiều dài chỉ: ≥ 90cm</p> <p>Thông số kim: Kim tròn, đầu côn (Round bodied taper point) x2 (2 kim), vòng kim: 1/2c, chiều dài kim: 25-26mm; phủ silicon</p> <p>Đặc tính: Sợi chỉ tròn đều, ít nhớt hình, dễ uốn, đàn hồi tốt, thắt nút dễ dàng và an toàn, giữ vết khâu vĩnh viễn; Tiết trùng;</p> <p>Phù hợp chỉ định: Phẫu thuật tổng quát, chỉnh hình, sản phụ khoa, thẩm mỹ, nhãn khoa, tim mạch, khâu mạch máu...</p> <p>Tuổi thọ: Tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	480	Sợi
78	Chỉ khâu không tiêu liên kim cỡ số 3/0 (USP) Polyamide	<p>Cấu trúc: Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi. Thành phần chất liệu chỉ: Polyamide Cỡ chỉ: 3/0 (theo USP), 2 (theo EP) Chiều dài chỉ: ≥ 75cm.</p> <p>Thông số kim: Kim tròn, đầu côn (Round bodied taper point), vòng kim: 3/8c, chiều dài kim: 24mm, phủ silicone</p> <p>Đặc tính: Sợi chỉ có cấu trúc vững chắc, sợi tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt; Tiết trùng;</p> <p>Phù hợp chỉ định: Phẫu thuật tổng quát, khâu da, chỉnh hình, sản phụ khoa...</p> <p>Tuổi thọ: Tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	1.440	Sợi

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
79	Chỉ khâu không tiêu liên kim cỡ số 3/0 (USP) Polypropylene 2 kim	<p>Cấu trúc: Chỉ phẫu thuật không tiêu đơn sợi; Thành phần chất liệu chỉ: Polypropylene; Cỡ chỉ: Số 3/0 (theo USP), 2 (theo EP); Chiều dài chỉ: ≥ 90cm</p> <p>Thông số kim: Kim tròn, đầu côn (Round bodied taper point) x 2 (2 kim), vòng kim: 1/2c, chiều dài kim: 26mm; phủ silicon</p> <p>Đặc tính: Sợi chỉ tròn đều, ít nhớ hình, dễ uốn, đàn hồi tốt, thắt nút dễ dàng và an toàn, giữ vết khâu vĩnh viễn; Tiết trùng;</p> <p>Phù hợp chỉ định: Phẫu thuật tổng quát, chỉnh hình, sản phụ khoa, thẩm mỹ, nhân khoa, tim mạch, khâu mạch máu...</p> <p>Tuổi thọ: Tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	960	Sợi
80	Chỉ khâu không tiêu liên kim cỡ số 5/0 (USP) Polyamide	<p>Cấu trúc: Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi. Thành phần chất liệu chỉ: Polyamide Cỡ chỉ: 5/0 (theo USP), 1 (theo EP) Chiều dài chỉ: ≥ 75cm.</p> <p>Thông số kim: Kim tam giác ngược (Reverse Cutting), vòng kim: 3/8c, chiều dài kim: 16mm, phủ silicone</p> <p>Đặc tính: Sợi chỉ có cấu trúc vững chắc, sợi tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt; Tiết trùng;</p> <p>Phù hợp chỉ định: Phẫu thuật tổng quát, khâu da, chỉnh hình, sản phụ khoa...</p> <p>Tuổi thọ: Tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	300	Sợi

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
81	Chỉ khâu không tiêu liên kim cỡ số 7/0 (USP) Polyamide	<p>Cấu trúc: Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi. Thành phần chất liệu chỉ: Polyamide Cỡ chỉ: 7/0 (theo USP), 0.5 (theo EP) Chiều dài chỉ: $\geq 75\text{cm}$. Thông số kim: Kim tam giác ngược (Reverse Cutting), vòng kim: 3/8c, chiều dài kim: 12-13mm, phủ silicone Đặc tính: Sợi chỉ có cấu trúc vững chắc, sợi tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt; Tiết trùng; Phù hợp chỉ định: Phẫu thuật tổng quát, khâu da, chỉnh hình, sản phụ khoa... Tuổi thọ: Tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	360	Sợi
82	Chỉ khâu không tiêu liên kim cỡ số 3/0 (USP) Polypropylene	<p>Cấu trúc: Chỉ phẫu thuật không tiêu đơn sợi; Thành phần chất liệu chỉ: Polypropylene; Cỡ chỉ: Số 3/0 (theo USP), 2 (theo EP); Chiều dài chỉ: $\geq 75\text{cm}$ Thông số kim: Kim tròn, đầu côn (Round bodied taper point), vòng kim: 1/2c, chiều dài kim: 26mm, phủ silicon; Đặc tính: Sợi chỉ tròn đều, ít nhớ hình, dễ uốn, đàn hồi tốt, thắt nút dễ dàng và an toàn, giữ vết khâu vĩnh viễn; Tiết trùng; Phù hợp chỉ định: Phẫu thuật tổng quát, chỉnh hình, sản phụ khoa, thẩm mỹ, nhân khoa, tim mạch, khâu mạch máu... Tuổi thọ: Tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	360	Sợi

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
83	Chỉ khâu không tiêu liên kim số 6/0 (USP) Polypropylene	<p>Cấu trúc: Chỉ phẫu thuật không tiêu đơn sợi; Thành phần chất liệu chỉ: Polypropylene; Cỡ chỉ: Số 6/0 (theo USP), 0.7 (theo EP); Chiều dài chỉ: ≥ 60cm</p> <p>Thông số kim: Kim tròn, đầu côn (Round bodied taper point) x2 (2 đầu kim), vòng kim: 3/8c, chiều dài kim: 10-11mm; phủ silicon</p> <p>Đặc tính: Sợi chỉ tròn đều, ít nhớ hình, dễ uốn, đàn hồi tốt, thắt nút dễ dàng và an toàn, giữ vết khâu vĩnh viễn; Tiết trùng;</p> <p>Phù hợp chỉ định: Phẫu thuật tổng quát, chỉnh hình, sản phụ khoa, thẩm mỹ, nhãn khoa, tim mạch, khâu mạch máu...</p> <p>Tuổi thọ: Tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	120	Sợi
84	Chỉ khâu không tiêu liên kim số 7/0 (USP) Polypropylene	<p>Cấu trúc: Chỉ phẫu thuật không tiêu đơn sợi; Thành phần chất liệu chỉ: Polypropylene; Cỡ chỉ: Số 7/0 (theo USP), 0.5 (theo EP); Chiều dài chỉ: ≥ 60cm</p> <p>Thông số kim: Kim tròn, đầu côn (Round bodied taper point) x2 (2 đầu kim), vòng kim: 3/8c, chiều dài kim: 10-11mm; phủ silicon</p> <p>Đặc tính: Sợi chỉ tròn đều, ít nhớ hình, dễ uốn, đàn hồi tốt, thắt nút dễ dàng và an toàn, giữ vết khâu vĩnh viễn; Tiết trùng;</p> <p>Phù hợp chỉ định: Phẫu thuật tổng quát, chỉnh hình, sản phụ khoa, thẩm mỹ, nhãn khoa, tim mạch, khâu mạch máu...</p> <p>Tuổi thọ: Tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	240	Sợi

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
85	Chỉ khâu không tiêu liên kim cỡ số 8/0 (USP) Polypropylene	<p>Cấu trúc: Chỉ phẫu thuật không tiêu đơn sợi; Thành phần chất liệu chỉ: Polypropylene; Cỡ chỉ: Số 8/0 (theo USP), 0.4 (theo EP); Chiều dài chỉ: ≥ 60cm</p> <p>Thông số kim: Kim tròn, đầu côn (Round bodied taper point) x2 (2 đầu kim), vòng kim: 3/8c, chiều dài kim: 8mm; phủ silicon</p> <p>Đặc tính: Sợi chỉ tròn đều, ít nhớt hình, dễ uốn, đàn hồi tốt, thắt nút dễ dàng và an toàn, giữ vết khâu vĩnh viễn; Tiệt trùng;</p> <p>Phù hợp chỉ định: Phẫu thuật tổng quát, chỉnh hình, sản phụ khoa, thẩm mỹ, nhãn khoa, tim mạch, khâu mạch máu...</p> <p>Tuổi thọ: Tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	72	Sợi
86	Chỉ khâu không tiêu liên kim cỡ số 7/0 (USP) Polyamide	<p>Cấu trúc: Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi. Thành phần chất liệu chỉ: Polyamide Cỡ chỉ: 7/0 (theo USP), 0.5 (theo EP) Chiều dài chỉ: ≥ 45cm.</p> <p>Thông số kim:: Kim tam giác ngược (Reverse Cutting) x2 (2 đầu kim), vòng kim: 3/8c, chiều dài kim: 12-13mm, phủ silicone</p> <p>Đặc tính: Sợi chỉ có cấu trúc vững chắc, sợi tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt; Tiệt trùng;</p> <p>Phù hợp chỉ định: Phẫu thuật tổng quát, khâu da, chỉnh hình, sản phụ khoa, nhãn khoa, vi phẫu...</p> <p>Tuổi thọ: Tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	240	Sợi

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
87	Chi khâu không tiêu liên kim cỡ số 8/0 (USP) Polyamide	<p>Cấu trúc: Chi không tiêu tổng hợp đơn sợi. Thành phần chất liệu chi: Polyamide Cỡ chi: 8/0 (theo USP), 0.4 (theo EP) Chiều dài chi: ≥ 15cm. Thông số kim: Kim tròn, đầu côn (Round bodied taper point), vòng kim: 3/8c, chiều dài kim: 6mm, phủ silicone Đặc tính: Sợi chi có cấu trúc vững chắc, sợi tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt; Tiết trùng; Phù hợp chỉ định: Phẫu thuật tổng quát, khâu da, chỉnh hình, sản phụ khoa, nhãn khoa, vi phẫu... Tuổi thọ: Tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	240	Sợi
88	Chi khâu không tiêu liên kim cỡ số 9/0 (USP) Polyamide	<p>Cấu trúc: Chi không tiêu tổng hợp đơn sợi. Thành phần chất liệu chi: Polyamide Cỡ chi: 9/0 (theo USP), 0.3 (theo EP) Chiều dài chi: ≥ 15cm. Thông số kim: Kim tròn, đầu côn (Round bodied taper point), vòng kim: 3/8c, chiều dài kim: 5mm, phủ silicone Đặc tính: Sợi chi có cấu trúc vững chắc, sợi tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt; Tiết trùng; Phù hợp chỉ định: Phẫu thuật tổng quát, khâu da, chỉnh hình, sản phụ khoa, nhãn khoa, vi phẫu... Tuổi thọ: Tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	144	Sợi

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
89	Chi khâu không tiêu liên kim cỡ số 10/0 (USP) Polyamide	<p>Cấu trúc: Chi không tiêu tổng hợp đơn sợi. Thành phần chất liệu chi: Polyamide Cỡ chi: 10/0 (theo USP), 0.2 (theo EP) Chiều dài chi: ≥ 13cm. Thông số kim: Kim tròn, đầu côn (Round bodied taper point), 1 hoặc 2 đầu kim, vòng kim: 3/8c, chiều dài kim: 5-6mm, phủ silicone Đặc tính: Sợi chi có cấu trúc vững chắc, sợi tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt; Tiết trùng; Phù hợp chỉ định: Phẫu thuật tổng quát, chỉnh hình, nhãn khoa, vi phẫu... Tuổi thọ: Tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	120	Sợi
90	Chi khâu không tiêu liên kim cỡ số 10/0 (USP) Polypropylene	<p>Cấu trúc: Chi phẫu thuật không tiêu đơn sợi; Thành phần chất liệu chi: Polypropylene; Cỡ chi: Số 10/0 (theo USP), 0.2 (theo EP); Chiều dài chi: ≥ 30cm Thông số kim: Kim hình thang (Spatula), 1 hoặc 2 đầu kim, vòng kim: 3/8c, chiều dài kim: 6mm; phủ silicon Đặc tính: Sợi chi tròn đều, ít nhớ hình, dễ uốn, đàn hồi tốt, thắt nút dễ dàng và an toàn, giữ vết khâu vĩnh viễn; Tiết trùng; Phù hợp chỉ định: Phẫu thuật tổng quát, chỉnh hình, sản phụ khoa, thẩm mỹ, nhãn khoa, tim mạch, khâu mạch máu... Tuổi thọ: Tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	120	Sợi

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
91	<p>Chỉ khâu tiêu</p> <p>Chỉ khâu tiêu chậm liền kim cỡ số 2/0 (USP)</p>	<p>Cấu trúc: Chỉ phẫu thuật tự tiêu tan chậm đơn sợi; Thành phần chất liệu chỉ: Collagen tinh khiết; Cỡ chỉ: Số 2/0 (theo USP), 3 (theo EP); Chiều dài chỉ: ≥75cm Thông số kim: Kim tròn, đầu côn (Round bodied taper point), vòng kim: 1/2c, chiều dài kim: 26mm; phủ silicon Đặc tính: Giữ vết khâu tốt trong vòng 14-21 ngày, tan hoàn toàn sau 90 ngày; Tiết trùng; Phù hợp chỉ định: Phẫu thuật tổng quát, sản phụ khoa, tiết niệu... Tuổi thọ: Tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	360	Sợi
92	<p>Chỉ khâu tiêu chậm liền kim cỡ số 3/0 (USP)</p>	<p>Cấu trúc: Chỉ phẫu thuật tự tiêu tan chậm đơn sợi; Thành phần chất liệu chỉ: Collagen tinh khiết; Cỡ chỉ: Số 3/0 (theo USP), 2.5 (theo EP); Chiều dài chỉ: ≥75cm Thông số kim: Kim tròn, đầu côn (Round bodied taper point), vòng kim: 1/2c, chiều dài kim: 26mm; phủ silicon Đặc tính: Giữ vết khâu tốt trong vòng 14-21 ngày, tan hoàn toàn sau 90 ngày; Tiết trùng; Phù hợp chỉ định: Phẫu thuật tổng quát, sản phụ khoa, tiết niệu... Tuổi thọ: Tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	360	Sợi

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
93	Chi khâu tiêu chậm liên kim cỡ số 4/0 (USP)	<p>Cấu trúc: Chi phẫu thuật tự tiêu tan chậm đơn sợi; Thành phần chất liệu chi: Collagen tinh khiết; Cỡ chi: Số 4/0 (theo USP), 2 (theo EP); Chiều dài chi: $\geq 75\text{cm}$ Thông số kim: Kim tròn, đầu côn (Round bodied taper point), vòng kim: 1/2c, chiều dài kim: 26mm; phủ silicon Đặc tính: Giữ vết khâu tốt trong vòng 14-21 ngày, tan hoàn toàn sau 90-91 ngày; Tiết trùng; Phù hợp chỉ định: Phẫu thuật tổng quát, sản phụ khoa, tiết niệu... Tuổi thọ: Tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	360	Sợi
94	Chi khâu tiêu chậm liên kim cỡ số 1 (USP)	<p>Cấu trúc: Chi phẫu thuật tự tiêu tan chậm đơn sợi; Thành phần chất liệu chi: Collagen tinh khiết; Cỡ chi: Số 1 (theo USP), 5 (theo EP); Chiều dài chi: $\geq 75\text{cm}$ Thông số kim: Kim tròn, đầu côn (Round bodied taper point), vòng kim: 1/2c, chiều dài kim: 40mm; phủ silicon Đặc tính: Giữ vết khâu tốt trong vòng 14-21 ngày, tan hoàn toàn sau 90 ngày; Tiết trùng; Phù hợp chỉ định: Phẫu thuật tổng quát, sản phụ khoa, tiết niệu... Tuổi thọ: Tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	360	Sợi

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
95	Chỉ khâu tiêu nhanh liền kim cỡ số 1 (USP) Polyglactin 910 (R)	<p>Cấu trúc: Chỉ phẫu thuật tự tiêu tan nhanh đa sợi bện; Thành phần chất liệu chỉ: 90% glycolide và 10% L-lactide (Polyglactin 910); Cỡ chỉ: Số 1 (theo USP), 4 (theo EP); Chiều dài chỉ: ≥ 60cm</p> <p>Thông số kim: Kim tam giác ngược (Reverse Cutting), vòng kim: 1/2c, chiều dài kim: 36mm; phủ silicon</p> <p>Đặc tính: Giữ vết khâu tốt trong vòng 7-10/10-14 ngày, tan hoàn toàn sau 40-45 ngày; Tiết trùng;</p> <p>Phù hợp chỉ định: Sử dụng trong phẫu thuật bề mặt mô mềm của da, niêm mạc, trên những vết thương mau lành.</p> <p>Tuổi thọ: Tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	480	Sợi
96	Chỉ khâu tiêu trung bình liền kim cỡ số 1 (USP) Polyglactin 910 (R)	<p>Cấu trúc: Chỉ phẫu thuật tự tiêu tan trung bình đa sợi bện; Thành phần chất liệu chỉ: 90% Glycolide, 10% L-Lactide (Polyglactin 910); Cỡ chỉ: Số 1 (theo USP), 4 (theo EP); Chiều dài chỉ: ≥ 90cm;</p> <p>Thông số kim: Kim tròn, đầu côn (Round bodied taper point), vòng kim: 1/2c, chiều dài kim: 30-40mm, phủ silicon;</p> <p>Đặc tính: Giữ vết khâu tốt trong 30 ngày; Duy trì sức căng: 75% sau 2 tuần, 50% sau 3 tuần; Độ tan: 56-70 ngày; tiết trùng;</p> <p>Phù hợp chỉ định: Phẫu thuật tổng quát, chỉnh hình, sản phụ khoa, khâu da, dạ dày, ruột, tiết niệu, nhãn khoa, làm chỉ buộc...</p> <p>Tuổi thọ: Tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	720	Sợi

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
97	Chi khâu tiêu trung bình liên kim cỡ số 4/0 (USP) Polyglactin 910	<p>Cấu trúc: Chi phẫu thuật tự tiêu tan trung bình đa sợi bện; Thành phần chất liệu chi: 90% Glycolide, 10% L-Lactide (Polyglactin 910); Cỡ chi: Số 4/0 (theo USP), 1.5 (theo EP); Chiều dài chi: ≥ 75cm; Thông số kim: Kim tròn, đầu côn (Round bodied taper point), vòng kim: 1/2c, chiều dài kim: 20-26mm, phủ silicon; Đặc tính: Giữ vết khâu tốt trong 30 ngày; Duy trì sức căng: 75% sau 2 tuần, 50% sau 3 tuần; Độ tan: 56-70 ngày; tiết trùng; Phù hợp chỉ định: Phẫu thuật tổng quát, chỉnh hình, sản phụ khoa, khâu da, dạ dày, ruột, tiết niệu, nhãn khoa, làm chi buộc... Tuổi thọ: Tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	432	Sợi
98	Chi khâu tiêu trung bình liên kim cỡ số 3/0 (USP) Polyglactin 910	<p>Cấu trúc: Chi phẫu thuật tự tiêu tan trung bình đa sợi bện; Thành phần chất liệu chi: 90% Glycolide, 10% L-Lactide (Polyglactin 910); Cỡ chi: Số 3/0 (theo USP), 2 (theo EP); Chiều dài chi: ≥ 75cm; Thông số kim: Kim tròn, đầu côn (Round bodied taper point), vòng kim: 1/2c, chiều dài kim: 26mm, phủ silicon; Đặc tính: Giữ vết khâu tốt trong 30 ngày; Duy trì sức căng: 75% sau 2 tuần, 50% sau 3 tuần; Độ tan: 56-70 ngày; tiết trùng; Phù hợp chỉ định: Phẫu thuật tổng quát, chỉnh hình, sản phụ khoa, khâu da, dạ dày, ruột, tiết niệu, nhãn khoa, làm chi buộc... Tuổi thọ: Tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	504	Sợi

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
99	Chi khâu tiêu trung bình liên kim cỡ số 2/0 (USP) Polyglactin 910	<p>Cấu trúc: Chi phẫu thuật tự tiêu tan trung bình đa sợi bện; Thành phần chất liệu chi: 90% Glycolide, 10% L-Lactide (Polyglactin 910); Cỡ chi: Số 2/0 (theo USP), 3 (theo EP); Chiều dài chi: ≥ 75cm; Thông số kim: Kim tròn, đầu côn (Round bodied taper point), vòng kim: 1/2c, chiều dài kim: 26mm, phủ silicon; Đặc tính: Giữ vết khâu tốt trong 30 ngày; Duy trì sức căng: 75% sau 2 tuần, 50% sau 3 tuần; Độ tan: 56-70 ngày; tiết trùng; Phù hợp chỉ định: Phẫu thuật tổng quát, chỉnh hình, sản phụ khoa, khâu da, dạ dày, ruột, tiết niệu, nhãn khoa, làm chi buộc... Tuổi thọ: Tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	1.800	Sợi
100	Chi khâu tiêu nhanh liên kim cỡ số 1 (USP) Polyglycolic Acid	<p>Cấu trúc: Chi phẫu thuật tự tiêu tan nhanh đa sợi bện; Thành phần chất liệu chi: 100% Polyglycolic Acid; Cỡ chi: Số 1 (theo USP), 4 (theo EP); Chiều dài chi: ≥ 90cm Thông số kim: Kim tròn, đầu côn (Round bodied taper point), vòng kim: 1/2c, chiều dài kim: 40mm; phủ silicon Đặc tính: Giữ vết khâu tốt trong vòng 7-10/10-14 ngày, tan hoàn toàn sau 40-45 ngày; Tiết trùng; Phù hợp chỉ định: Sử dụng trong phẫu thuật bề mặt mô mềm của da, niêm mạc, trên những vết thương mau lành, sản phụ khoa. Tuổi thọ: Tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	960	Sợi

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
101	Chi khâu tiêu nhanh liền kim cỡ số 2/0 (USP) Polyglycolic Acid	<p>Cấu trúc: Chi phẫu thuật tự tiêu tan nhanh đa sợi bện; Thành phần chất liệu chỉ: 100% Polyglycolic Acid; Cỡ chỉ: Số 2/0 (theo USP), 3 (theo EP); Chiều dài chỉ: ≥ 90cm</p> <p>Thông số kim: Đầu kim tam giác, thân kim tròn (Round bodied taper cutting point), vòng kim: 1/2c, chiều dài kim: 36mm; phủ silicon; Đặc tính: Giữ vết khâu tốt trong vòng 7-10/10-14 ngày, tan hoàn toàn sau 40-45 ngày; Tiết trùng;</p> <p>Phù hợp chỉ định: Sử dụng trong phẫu thuật bề mặt mô mềm của da, niêm mạc, trên những vết thương mau lành, sản phụ khoa.</p> <p>Tuổi thọ: Tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	1.800	Sợi
102	Chi khâu tiêu nhanh liền kim cỡ số 3/0 (USP) Polyglycolic Acid	<p>Cấu trúc: Chi phẫu thuật tự tiêu tan nhanh đa sợi bện; Thành phần chất liệu chỉ: 100% Polyglycolic Acid; Cỡ chỉ: Số 3/0 (theo USP), 2 (theo EP); Chiều dài chỉ: ≥ 75cm</p> <p>Thông số kim: Kim tròn, đầu côn (Round bodied taper point), vòng kim: 1/2c, chiều dài kim: 26-30mm; phủ silicon; Đặc tính: Giữ vết khâu tốt trong vòng 7-10/10-14 ngày, tan hoàn toàn sau 40-45 ngày; Tiết trùng;</p> <p>Phù hợp chỉ định: Sử dụng trong phẫu thuật bề mặt mô mềm của da, niêm mạc, trên những vết thương mau lành, sản phụ khoa.</p> <p>Tuổi thọ: Tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	1.080	Sợi

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
103	Chỉ khâu tiêu nhanh liền kim cỡ số 4/0 (USP) Polyglycolic Acid	<p>Cấu trúc: Chỉ phẫu thuật tự tiêu tan nhanh đa sợi bền; Thành phần chất liệu chỉ: 100% Polyglycolic Acid; Cỡ chỉ: Số 4/0 (theo USP), 1.5 (theo EP); Chiều dài chỉ: ≥ 75cm</p> <p>Thông số kim: Kim tròn, đầu côn (Round bodied taper point), vòng kim: 1/2c, chiều dài kim: 22-26mm; phủ silicon;</p> <p>Đặc tính: Giữ vết khâu tốt trong vòng 7-10/10-14 ngày, tan hoàn toàn sau 40-45 ngày; Tiết trùng;</p> <p>Phù hợp chỉ định: Sử dụng trong phẫu thuật bề mặt mô mềm của da, niêm mạc, trên những vết thương mau lành, sản phụ khoa.</p> <p>Tuổi thọ: Tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	480	Sợi
104	Chỉ khâu tiêu trung bình liền kim cỡ số 2 (USP) Polyglactin 910	<p>Cấu trúc: Chỉ phẫu thuật tự tiêu đa sợi bền; Thành phần chất liệu chỉ: 90% glycolide và 10% L-lactide (90% glycolate và 10% L-lactate, Polyglactin 910); Cỡ chỉ: Số 2 (theo USP), 5 (theo EP); Chiều dài chỉ: ≥ 90cm;</p> <p>Thông số kim: Kim tròn, đầu côn (Round bodied taper point), vòng kim: 1/2c, chiều dài kim: 40mm, phủ silicon;</p> <p>Đặc tính: Giữ vết khâu tốt trong 30 ngày; Duy trì sức căng: 75% sau 2 tuần, 50% sau 3 tuần; Độ tan: 56-70 ngày; tiết trùng;</p> <p>Phù hợp chỉ định: Phẫu thuật tổng quát, chỉnh hình, sản phụ khoa, khâu da, dạ dày, ruột, tiết niệu, nhãn khoa, làm chỉ buộc...</p> <p>Tuổi thọ: Tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	2.016	Sợi

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
105	<p>Vật tư y tế sử dụng trong một số chuyên khoa</p> <p>Bộ dẫn lưu thận qua da</p>	<p>Cấu hình: 01 ống dẫn dịch dài ≥35cm; 01 kim 18G; 01 dây dẫn đường dài ≥80cm; 01 đầu nối; 01 ống thông nhựa ABS (hoặc nhựa nguyên sinh y tế khác) dài ≥20cm Chất liệu Polyurethane hoặc nhựa nguyên sinh y tế khác, kích cỡ: 6-14Fr Tiệt trùng, sử dụng 01 lần. . Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	200	Cái
106	<p>Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác</p> <p>Bộ gây tê ngoài màng cứng Perifix ONE hoặc tương đương về cấu hình, thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn quản lý chất lượng</p>	<p>Tính năng: Sử dụng trong kỹ thuật gây tê ngoài màng cứng</p> <p>Cấu hình:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kim Perican, đầu kim Tuohy 2. Catheter Perifix, chiều dài 1000 mm 3. Đầu nối 4. Perifix Filter 0,2 μm 5. Perifix PinPad 6. Bơm Perifix L.O.R., không latex 7. Bơm tiêm sử dụng một lần 8. Kim tiêm sử dụng một lần <p>Kim đầu cong G18 dài 80mm. Có bơm giảm kháng lực giúp xác định khoảng màng cứng. Catheter bằng polyamid và polyurethan, thiết kế đầu catheter thuận nhỏ dần, có đường cân quang ngầm. Catheter có 3 cặp lỗ thoát thuốc. Đầu nối catheter dạng nắp bật. Màng lọc với kích thước lỗ lọc 0.2 μm, có miếng dán cố định lọc. Có dây đủ bơm và kim tiêm thuốc. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	150	Bộ

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
107	Bộ gậy tế tủy sống và ngoài màng cứng phối hợp Espocan hoặc tương đương về cấu hình, thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn quản lý chất lượng	<p>Tính năng: Sử dụng trong kỹ thuật gây tê ngoài màng cứng</p> <p>Cấu hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kim chọc dò tủy sống. - Bơm Perifix L.O.R, không chứa latex . - Kim gây tê ngoài màng cứng Perican, đường kính 1,3 x 88 mm, (18 G x 3½") với lỗ phụ nằm trên đầu cong của kim . - Catheter ngoài màng cứng Perifix có dụng cụ hỗ trợ để luồn 20 G, đường kính 0.85 x 0.45 x 1000 mm . - Đầu nối - Perifix Catheter Connector - Lọc - Perifix Filter 0,2 µm - Miếng dán cố định - Perifix® PinPad - Docking Dụng cụ hỗ trợ cố định kim tế tủy sống khi luồn. <p>Kim gây tê tủy sống đầu có 3 mặt vát, mặt vát uốn cong. Có vạch đánh dấu độ dài trên thân kim và có lỗ mở phía trên đầu cong của kim;</p> <p>Ống bơm tiêm giảm kháng lực</p> <p>Catheter gây tê màng cứng chất liệu polyamid có các lỗ bên để thuốc lan tỏa đều khắp; màng lọc vi khuẩn ≤ 0,2µm. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	150	Bộ
	Vật tư dùng chung khác			
108	Dầu parafin	Dầu parafin dùng trong y tế Thể tích 5ml. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 hoặc ĐDVN V hoặc tương đương	2.000	ống
109	Cồn 90 độ	Cồn 90 độ dùng trong y tế Chai 500ml	200	chai
110	Khẩu trang y tế 4 lớp	Cấu tạo gồm 4 lớp vải không dệt, không thấm nước dùng trong y tế. Trong đó có ít nhất 1 lớp vải lọc dùng trong y tế, không thấm nước, không độc hại, thoáng khí, không gây dị ứng da, có tác dụng lọc mùi, khói, bụi mịn, vi khuẩn xâm nhập.	200.000	chiếc

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
		<p>Dây đeo chắc chắn, không bị rã, đứt. Có nẹp mũi, bảo đảm kín, khít với bề mặt da. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485, CE, FDA.</p>		
111	Miếng áp (opsite) dùng trong phẫu thuật, thủ thuật	<p>Tính năng: Miếng áp (opsite) sử dụng trong phẫu thuật, thủ thuật. Chất liệu: Polyurethane hoặc nhựa nguyên sinh y tế khác, trong suốt, mỏng, đàn hồi tốt. Kích thước 15cm x 28cm Không gây kích ứng, dị ứng Vô trùng. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485</p>	150	Miếng

Cộng: 111 khoản.

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế:

- Địa điểm cung cấp: Kho Khoa Dược - Bệnh viện Quân y 7, số 12 đường Tuệ Tĩnh, phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Yêu cầu về vận chuyển: Hàng đóng gói theo qui cách của nhà sản xuất. Hàng nguyên kiện (bao bì gỗ, giấy carton hoặc các vật liệu khác) khi giao nhận phải còn nguyên niêm phong, nguyên đai, nguyên kiện của nhà sản xuất. Đối với hàng hóa xuất lẻ, yêu cầu phải được đóng gói, ra lẻ theo quy định về chế độ đóng gói, bảo quản hàng hóa. Các thông tin về hàng hóa phải được ghi đầy đủ trên bao bì.

Hàng hóa trong quá trình vận chuyển đến phải luôn đảm bảo các điều kiện bảo quản theo yêu cầu của từng loại lô hàng hóa về nhiệt độ, độ ẩm, tránh tác động của môi trường.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Sau khi hợp đồng có hiệu lực. Thời gian giao hàng chậm nhất không quá 07 ngày (trong trường hợp đột xuất để nghị nhà thầu giao hàng chậm nhất không quá 48 giờ) kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của Chủ đầu tư.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không áp dụng.
- Thanh toán hợp đồng: Trong vòng 90 ngày kể từ khi bên bán giao hàng và xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu.
- 6. Các thông tin khác:
 - Hãng hóa đã có mã vật tư y tế phục vụ quản lý và giám định, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo các quy định hiện hành của Bộ Y tế (ngoại trừ các vật tư có STT 106, 107 thuộc mục **Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác** và STT từ 108 đến 111, thuộc mục **Vật tư dùng chung khác**).
 - Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam báo giá theo **mẫu** kèm theo Yêu cầu báo giá này. *Emf*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ CNTT/P.KHHTH (để đăng tải);
- HDMS thuốc, HC, SP, VTYT, TTBYT BV;
- Lưu: VT, Khoa Dược. Đ05.

GIÁM ĐỐC



Đạt tá Đặng Vũ Hải

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày 27 tháng 10 năm 2023.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực./.

....., ngày.... tháng.... năm 2023

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

^(*) Số thứ tự ghi theo số thứ tự trong Yêu cầu báo giá của Bệnh viện Quân y 7 – Cục Hậu cần Quân Khu 3.

⁽¹⁾ Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

⁽²⁾ Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chứng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.

⁽³⁾ Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế".

⁽⁴⁾ Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

⁽⁵⁾, ⁽⁶⁾ Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

⁽⁷⁾ Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

⁽⁸⁾ Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

⁽⁹⁾ Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.